TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NG** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 3 - 2025
Về việc ly hôn

NHÂN DAH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Trần ThAh Liêm
Ông Đào Văn Tươi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Ng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025. Về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bạch Văn Tấn A, sinh năm 1966 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp Cái Hoãng, xã Đất Mũi, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1974 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Cái Hoãng, xã Đất Mũi, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07/01/2025 và các lời khai của nguyên đơn ông Bạch Văn Tấn A trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và bà Ng tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992 không có đăng ký kết hôn, hôn nhân giữa tôi và bà Ng trên tinh thần tự nguyện, vợ chồng sống với nhau không cảm thấy hạnh phúc, bất đồng quA điểm, thường hay cự cải, hai người tính tình không phù hợp, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bản thân xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt nên yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con tên Bạch Vũ Trường GiAg, sinh năm 1993 và Bạch Nhã Ca, sinh năm 2006. Hiện nay các con đã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải

Nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Về hôn nhân theo ông A trình bày là đúng, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quA điểm, thường xuyên cải vã, xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên tôi đồng ý ly hôn với ông Bạch Văn Tấn A.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con tên Bạch Vũ Trường GiAg, sinh năm 1993 và Bạch Nhã Ca, sinh năm 2006. Hiện nay các con đã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị Ng có nơi cư trú trên địa bàn huyện Ng, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ng theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quA hệ pháp luật: Xét đơn của ông Bạch Văn Tấn A khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng nên xác định quA hệ trAh chấp "Ly hôn" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quA hệ hôn nhân: Ông A và bà Ng xác lập quA hệ hôn nhân năm 1992 không có đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông A và bà Ng không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 09 Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quA hệ của ông Bạch Văn Tấn A và bà Nguyễn Thị Ng là vợ chồng

[3] Về con chung: Ông A trình bày vợ chồng chung sống có 02 người con tên Bạch Vũ Trường GiAg, sinh năm 1993 và Bạch Nhã Ca, sinh năm 2006. Hiện nay các con đã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông A trình bảy vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, bà Ng không ý kiến gì nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh trAh chấp về tài sản thì ông A và bà Ng có quyền khởi kiện thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

(5) Về nợ chung: Ông A trình bày vợ chồng không có nợ chung, bà Ng không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 09, 14, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Bạch Văn Tấn A và bà Nguyễn Thị Ng là vợ chồng,

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông A phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), ông A có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0015287 ngày 07/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a 7b và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, ông A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ng;
- THADS huyện Ng;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Minh Tính